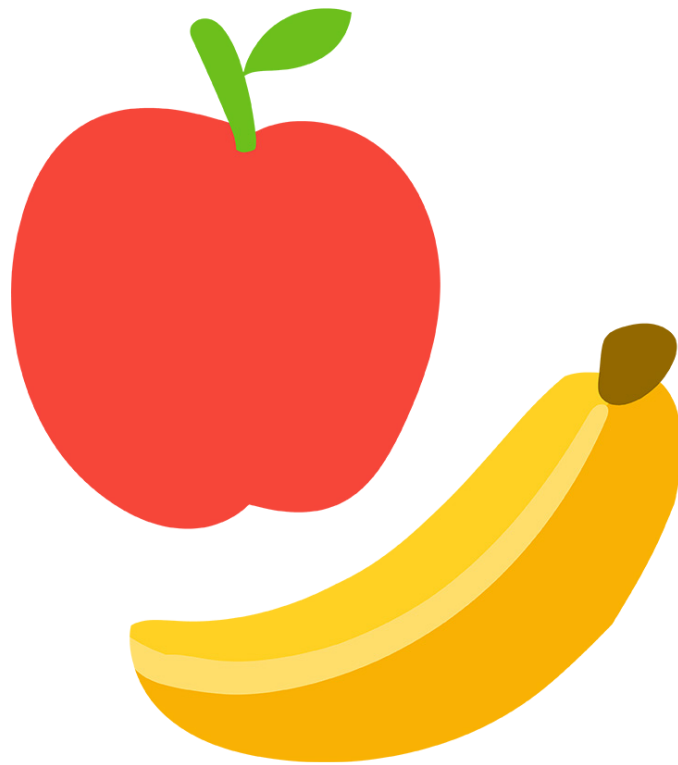




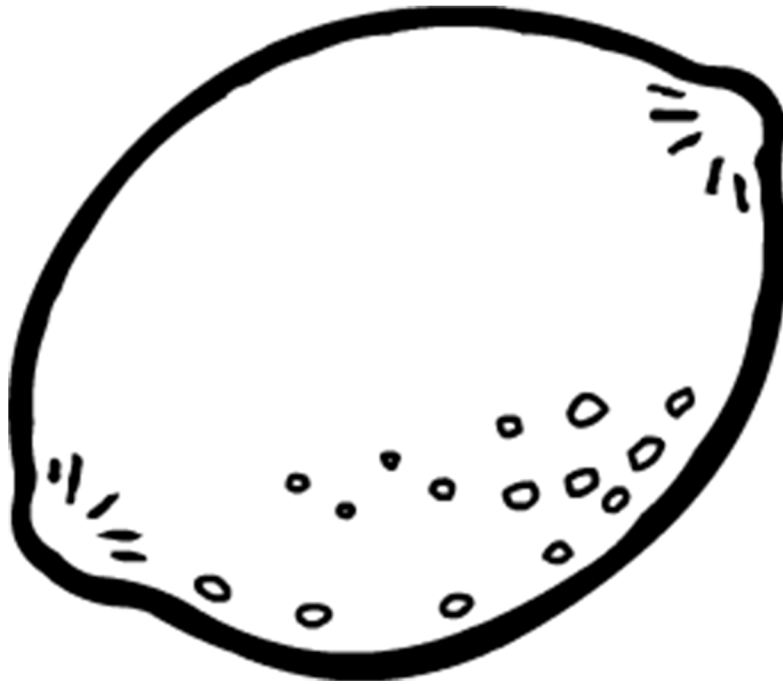
## Colouring 2



# Fruits

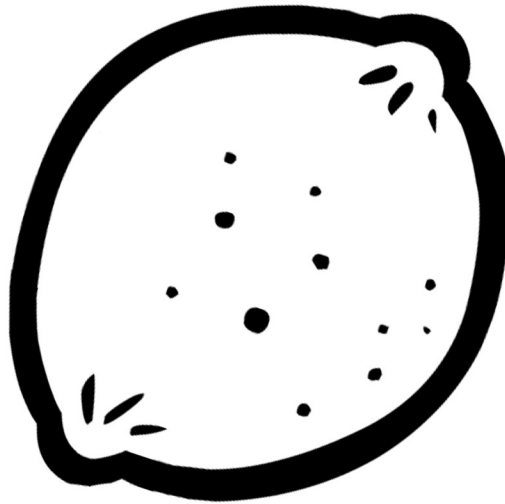


studycat.com



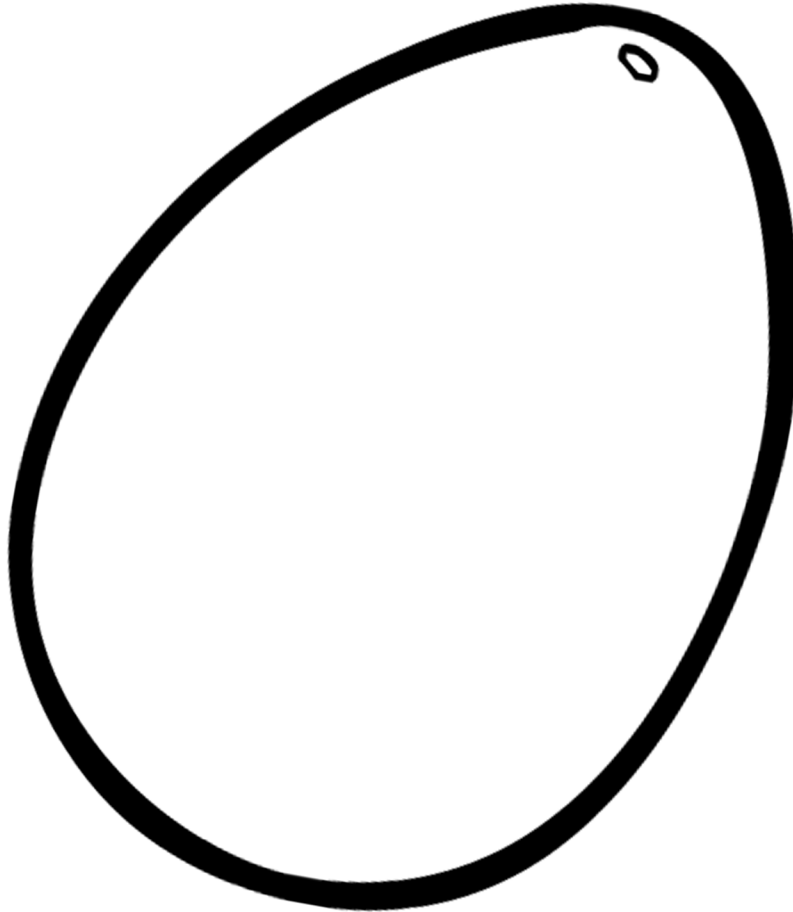
檸檬

Níng méng



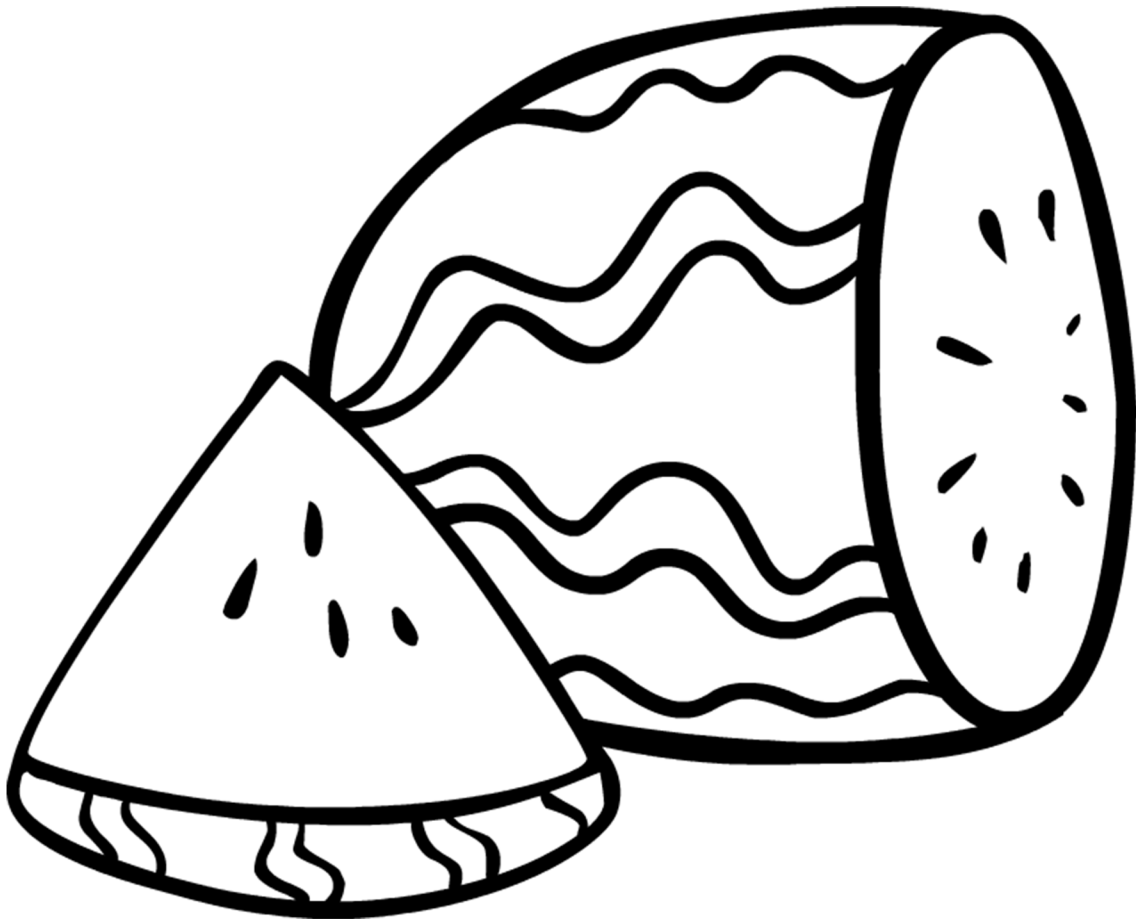
萊姆

Lái mǔ



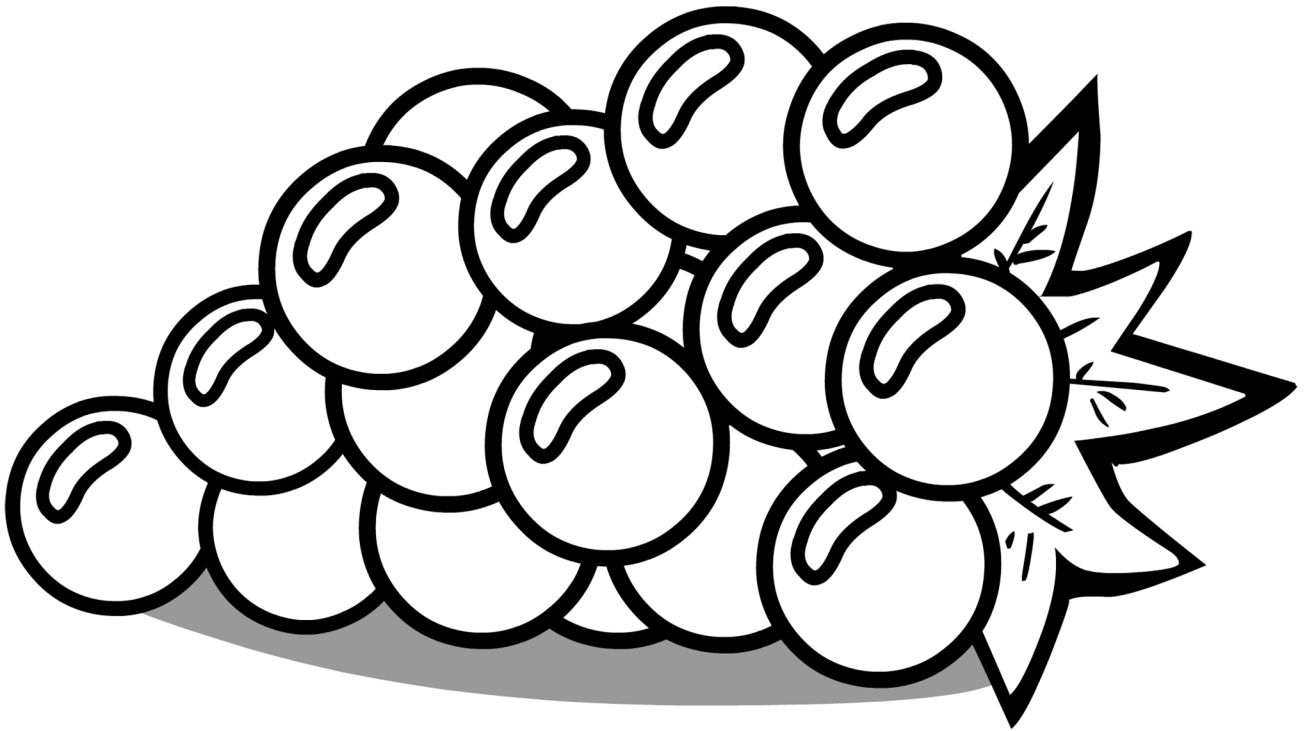
芒果

Máng guǒ



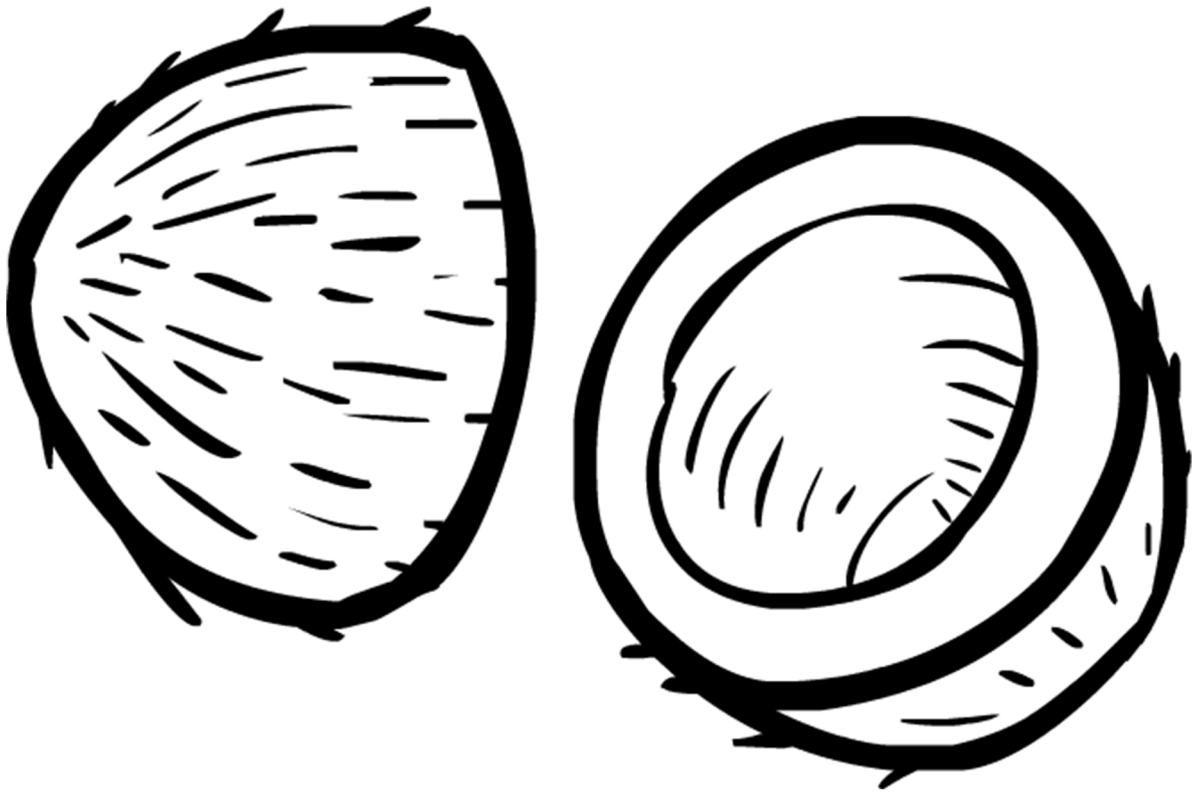
西瓜

Xī guā



葡萄

Pú táo



椰子

Yē zi